

Số: /GPMT-TNMT

Cẩm Lệ, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 102/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ thành lập phường, xã thuộc quận Thanh Khê và huyện Hoà Vang; thành lập quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 5468/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của UBND quận Cẩm Lệ thành lập Tổ kiểm tra cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Xưởng sản xuất nội thất Tùng Lâm – ASIA”, địa chỉ: Đường số 5A, KCN Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng và kết quả thẩm định của Tổ kiểm tra;

Xét đề nghị của Công ty CP Tùng Lâm – ASIA tại Công văn số 50/2024/CV/TL-ASIA ngày 04/10/2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Xưởng sản xuất nội thất Tùng Lâm – ASIA”, địa chỉ: Đường 5A, KCN Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Cẩm Lệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty CP Tùng Lâm – ASIA, địa chỉ: Số 35 A-B-C Núi Thành, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Xưởng sản xuất nội thất Tùng Lâm – ASIA”, địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường 5A, KCN Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên cơ sở : “Xưởng sản xuất nội thất Tùng Lâm – ASIA”

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường 5A, KCN Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm, thành phố Đà Nẵng.

1.3. Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0400466412 do

Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 20 tháng 09 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 0400466412

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất nội thất cao cấp.

1.6. Phạm vi:

a) Quy mô: Loại dự án, cấp công trình quy mô, công suất của dự án nhóm C phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

b) Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

c) Quy mô, công suất của dự án:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Sản xuất nội thất cao cấp, bao gồm giường tủ, bàn ghế, nội thất khác.

- Tổng diện tích đất đầu tư là: 3.368m² (Trong đó, đất xây dựng công trình: 1.640 m²; đất cây xanh, bãi cỏ: 372,8 m²; đất giao thông, sân bãi, kho...: 1.355,2 m²).

- Quy mô : 7.000 sản phẩm/năm.

- Kinh phí đầu tư: 15.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty CP Tùng Lâm – ASIA có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu

tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND quận Cẩm Lệ, UBND phường Hòa Thọ Tây, cơ quan chức năng liên quan nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày.....tháng 12 năm 2024 đến ngày.....tháng 12 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Cẩm Lệ, UBND phường Hòa Thọ Tây tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- PCT UBND quận (A. Thanh) (b.cáo);
- Phòng Tài nguyên và Môi trường (thực hiện);
- UBND phường Hòa Thọ Tây (biết, phối hợp);
- Công ty CP Tùng Lâm – ASIA (thực hiện);
- Trang Thông tin điện tử của quận Cẩm Lệ (đăng tải);
- Lưu: VT, TNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đình Thanh

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ngày tháng năm 2024 của UBND
quận Cẩm Lệ)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Hòa Cẩm và dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Cẩm, không xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về công trình xử lý nước thải

- Nước thải vệ sinh (bồn cầu, âu tiêu) được thu gom theo các ống thoát nhựa PVC Ø110 dẫn về 01 Bể tự hoại.

- Nước từ hoạt động rửa tay chân, vệ sinh của cán bộ công nhân viên được dẫn về tuyến thu gom thoát nước thải của nhà xưởng theo các ống thoát PVC Ø 90 sau đó đầu nối vào công trình thu gom thoát nước thải chung của khu công nghiệp.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ (Bể tự hoại)

a) Hệ thống xử lý nước thải từ toilet, âu tiêu : Nước thải được thu gom → 01 bể tự hoại 3 ngăn → Hồ ga → Công trình thu gom thoát nước thải chung của khu công nghiệp

- Công suất thiết kế: thể tích bể là 7,2m³ (kích thước LxBxH= 2 m x 3m x 1,2 m) vật liệu bằng gạch thẻ, bê tông cốt thép.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không có

- Vị trí: đặt ngầm dưới khu nhà vệ sinh của cơ sở.

1.3. Hệ thống thiết bị quan trắc nước thải tự động

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tính toán kích thước các bể phù hợp với công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải. Kết cấu công trình phải đảm bảo tiêu chuẩn không để nước thải rò rỉ

làm ảnh hưởng đến môi trường khu vực.

- Trong quá trình vận hành, tổ chức vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị định kỳ để kịp thời phát hiện và xử lý các dấu hiệu có khả năng dẫn đến xảy ra sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra lưu lượng nước thải đầu vào để phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ hoặc lưu lượng nước thải tăng đột biến.

- Chủ đầu tư cam kết thực hiện công tác khắc phục sự cố trong thời gian sớm nhất có thể, hạn chế tối đa việc xả nước thải chưa qua xử lý trực tiếp ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống bể tự hoại công suất 7,2 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Nước thải sau xử lý: 01 vị trí lấy mẫu nước thải tại điểm đầu nổi nước thải của khu công nghiệp Hòa Cầm.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty CP Tùng Lâm – ASIA giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định về nước thải của Khu công nghiệp Hòa Cầm.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể: ít nhất 3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động của dự án đạt yêu cầu về chất lượng nước thải của Khu công nghiệp và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; không để các chất bẩn trong hệ thống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn, phát tán ra môi trường, đặc biệt là tại vị trí các cửa xả nước mưa của dự án.

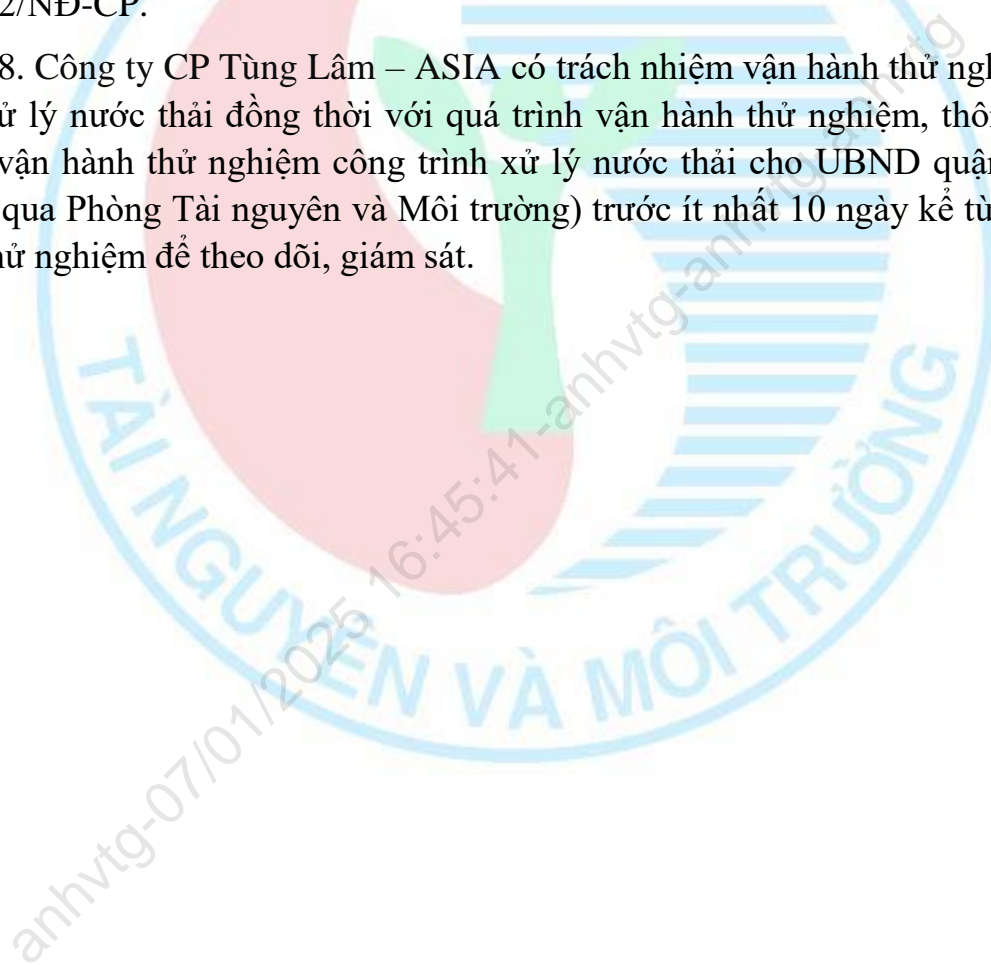
3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định của Khu công nghiệp Hòa Cầm và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.5. Bùn cặn của hệ thống thu gom, xử lý nước thải, hệ thống thoát nước mưa của dự án phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải.

3.6. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.8. Công ty CP Tùng Lâm – ASIA có trách nhiệm vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm, thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải cho UBND quận Cẩm Lệ (thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường) trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Cẩm Lệ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh tại khu vực phòng phun sơn số 1
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh tại khu vực phòng phun sơn số 2
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ các hoạt động cưa cắt gỗ, làm sạch bề mặt sản phẩm gỗ. Nhà xưởng trang bị các hệ thống lọc bụi túi vải và bố trí bên trong nhà xưởng, đảm bảo môi trường lao động của công nhân, đồng thời bố trí các quạt hút đảm bảo môi trường thông thoáng. Nguồn khí thải không tạo thành dòng khí thải phát sinh ra môi trường không khí bên ngoài nhà xưởng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải số 1: Tương ứng với ống thải của hệ thống bụi, khí thải từ buồng sơn số 1

2.1.1. Tọa độ vị trí xả khí thải : $X = 545169, Y = 1770148$ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$)

2.1.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $1.200\text{m}^3/\text{giờ}$

2.1.3. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống khói cao 8m so với mặt đất, chế độ xả thải gián đoạn (chỉ xả thải trong giờ hành chính)

2.1.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Toluen	Mg/Nm^3	750	Không	Không
2	Benzen	Mg/Nm^3	5		
3	Xylen	Mg/Nm^3	870		

2.2. Dòng khí thải số 2: Tương ứng với ống thải của hệ thống bụi, khí thải từ buồng sơn số 2

2.2.1. Tọa độ vị trí xả khí thải : X = 545169 , Y = 1770148 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107⁰45')

2.2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.200m³/giờ

2.2.3. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống khói cao 8m so với mặt đất, chế độ xả thải gián đoạn (chỉ xả thải trong giờ hành chính)

2.2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Toluen	Mg/Nm ³	750	Không	Không
2	Benzen	Mg/Nm ³	5		
3	Xylen	Mg/Nm ³	870		

2.3. Đối với chất lượng không khí trong nhà xưởng phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Kv = 1 và Kp= 1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	Mg/Nm ³	200	Không	Không

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải, hơi dung môi phát sinh từ quá trình sơn tại 02 buồng sơn → hấp thụ bằng hệ thống phun sơn màng nước

- Bụi phát sinh từ các hoạt động sản xuất → Ống thu bụi lò xo → Hệ thống lọc bụi túi vải

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

a) Công trình xử lý khí thải, hơi dung môi phát sinh từ buồng sơn:

- Các công trình xử lý khí thải:

+ 02 Buồng phun sơn màng nước (kích thước: dài x rộng x cao: 3 m x 0,5 m x 2 m).

+ 02 quạt hút công suất: 2.400m³/giờ.

+ 02 hệ thống hấp phụ than hoạt tính

+ 02 ống thoát, đường kính 0,3m, cao 8 m so với nền.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi sơn, hơi dung môi → hấp phụ bằng hệ thống màng nước → ống dẫn → bộ lọc than hoạt tính → Ống thải thoát ra ngoài cao 8m so với mặt đất.

- Công suất: 2.400m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: nước, than hoạt tính.

b) Công trình xử lý bụi từ hoạt động sản xuất

- Các công trình xử lý bụi: 07 hệ thống lọc bụi túi vải (03 hệ thống loại 04 túi và 4 hệ thống loại 02 túi). Thông số kỹ thuật của hệ thống lọc bụi túi vải của cơ sở:

* Loại 04 túi:

+ Kích thước: D 1.2m x R 2m x 3.7m C

+ Công suất quạt hút: 6.000m³/h

+ Số lượng túi lọc bụi: 12 túi vải

+ Vật liệu lọc vải: Vải Polyester chuyên dụng

* Loại 02 túi:

+ Kích thước: D 1m x R 0,5m x C 1,5 m

+ Công suất quạt hút: 2.400m³/h

+ Số lượng túi lọc bụi: 8 túi vải

+ Vật liệu lọc vải: Vải Polyester chuyên dụng

- Tóm tắt Quy trình công nghệ: Bụi → Quạt hút → Thiết bị lọc bụi túi vải → Khí sạch.

- Tổng công suất: 27.600m³/giờ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Định kỳ hàng năm tiến hành bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải.

- Khi có sự cố, dừng hoạt động sản xuất, kiểm tra hệ thống xử lý khí thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại điểm b, Khoản 6, Điều 31-Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) thì thời gian vận hành thử nghiệm của dự án do Chủ đầu tư quyết định và tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 6 tháng.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến trong 03 - 06 tháng sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải 02 buồng sơn, công suất 2.400m³/giờ.
- Hệ thống lọc bụi túi vải, công suất 27.600m³/giờ

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại 02 điểm lấy mẫu trên hai ống khói phía sau hai buồng sơn,
- Khu vực bên trong nhà xưởng

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty CP Tùng Lâm – ASIA giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường tại mục 2, phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Ống khói/ống thoát khí phải có điểm (cửa) lấy mẫu khí thải, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

3.3. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án theo quy định tại Điều 46 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 khoản 5, 6, 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘNG RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ngày tháng năm 2024 của UBND
quận Cẩm Lệ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘNG RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

1.1. Nguồn phát sinh

- Từ các máy móc, thiết bị cưa cắt, bào, phay, máy nén....trong khu vực nhà xưởng

1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Trong khu vực nhà xưởng.

1	Máy cưa 1	
	X	545128,40
	Y	1770160,78
2	Máy cưa 1	
	X	545153,48
	Y	1770160,06
3	Máy cưa 3	
	X	545150,74
	Y	1770139,14
4	Máy cưa 4	
	X	545157,57
	Y	1770149,22
5	Máy cưa 5	
	X	545161,28
	Y	1770169,26
6	Máy cưa 6	
	X	545161,40
	Y	1770164,28
7	Máy Pakel	
	X	545157,32
	Y	1770170,14
8	Máy CMC	
	X	545161,65
	Y	1770145,25
9	Máy dán cạnh	
	X	545168,35
	Y	1770164,29

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107⁰45')

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn: Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Tại các vị trí phát sinh tiếng ồn (khu vực thông thường)
2	55	45	Khu vực đặc biệt

2.2. Độ rung: Giá trị giới hạn đối với độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường
2	60	55	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các loại máy móc thiết bị gây ồn và rung, được lắp đặt đệm chống rung và đặt trong phòng kín, riêng biệt.

- Thường xuyên bảo dưỡng các loại máy móc thiết bị, vận hành đúng công suất, bôi trơn dầu mỡ.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án để hạn chế tiếng ồn tại khu vực, đồng thời tạo cảnh quan và đảm bảo điều kiện vi khí hậu phù hợp cho toàn dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ngày tháng năm 2024 của UBND
quận Cẩm Lệ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (Kg/tháng)	Ghi chú
1	Bóng led	Rắn	16 01 06	0,1	NH
2	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	0,5	NH
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	13	NH
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	7,5	NH
5	Cặn sơn	Rắn/lỏng	08.01.01	19	NH
6	Than hoạt tính thải	Rắn	12.01.04	6	
Tổng				41,6	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã CT	Khối lượng phát sinh (năm)	Kí hiệu phân loại
1	Bụi thô thu gom từ hệ thống xử lý túi vải lọc bụi, Mùn cưa, phôi bào, đầu mấu, gỗ thừa, ván và gỗ khác	Rắn	09.01.03	96	TT-R
2	Bao bì carton thừa.	Rắn	18 01 05		TT-R
3	Đinh thừa	Rắn	11.04.03		TT-R
4	Bao bì nhựa	Rắn	18.01.06		TT-R
	Tổng CTR CN thông thường (m³/năm)				

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 150 kg/tháng = 1800kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Toàn bộ CTNH được thu gom, lưu giữ trong thiết bị lưu chứa dung tích 120 lít và 240 lít cho từng loại khác nhau, dán nhãn phân loại mã CTNH và đáp ứng yêu cầu tại khoản 4 và khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Trong đó:

+ Các chất thải nguy hại sau khi được phân loại, thu gom được chứa trong các thùng có biển báo chất thải nguy hại đúng quy định của pháp luật.

+ Đối với chất thải nguy hại dạng lỏng: thu gom và chứa trong các can chứa, có nắp đậy kín để tránh chảy tràn.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Số lượng: 01 kho

- Diện tích, vị trí: Kho lưu chứa CTNH tại dự án có diện tích kho chứa khoảng 2,2 m², Kho có biển cảnh báo chất thải nguy hại và các yêu cầu khác đáp ứng yêu cầu tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Kho nằm ở cuối nhà xưởng, gần khu vực máy nén khí.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được xây dựng kín, nền bê tông, có đắp gờ ngăn cách bảo đảm không tràn đổ chất lỏng ra bên ngoài, có trang bị dụng cụ phòng cháy chữa cháy, dụng cụ phòng ngừa ứng phó sự cố tràn đổ chất thải.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thiết bị, dụng cụ lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường gồm Bao bì mềm đựng bụi thô được buộc kín, bao bì đựng gỗ vụn, ván cắt cứng phân loại và đặt trong các bao kín để bảo đảm ngăn chất thải rò rỉ hoặc rơi vãi ra môi trường; Các túi không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

2.2.2. Kho lưu chứa : 01 kho

- Cơ sở đã xây dựng kho lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường với tổng diện tích 19 m², có kết cấu tường gạch, nền bê tông, mái bê tông, có gờ chắn để ngăn không cho nước mưa tràn vào gây ô nhiễm, bố trí sẵn bình chữa cháy trong khu vực kho chứa, kho đảm bảo khả năng lưu chứa lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường không nguy hại phát sinh. Nhà xưởng có bố trí công nhân thu dọn mùn cưa, ván thừa cho vào bao và tập kết về khu chứa.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng rác loại 240 lít, có nắp đậy, dán nhãn phân biệt đảm bảo chứa đủ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.
- Bố trí 2 thùng rác 10 – 20l bằng vật liệu PVC đặt tại văn phòng để thu gom rác thải phát sinh.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu tập kết chất thải rắn có diện tích khoảng 3 m², bố trí các thùng rác 240 lít để chứa toàn bộ chất thải rắn thông thường của dự án trước khi đơn vị thu gom đến vận chuyển đi xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Các loại chất thải phải được thu gom, phân loại, chuyển giao đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số..... ngày ... tháng ... năm 2024 của UBND quận Cẩm Lệ)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

- Không thuộc đối tượng phải cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Công khai giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và các quy định của thành phố Đà Nẵng có liên quan. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra sự cố môi trường, cháy nổ, an toàn lao động và phải bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ra. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thường xuyên giám sát, kiểm soát nước thải, không được xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

9. Thực hiện lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.

10. Thực hiện xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

11. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

